Chi tiết mã HS 8708.95.10

Mã HS	8708.95.10
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Các bộ phận và phụ kiện khác: / - - Túi khí an toàn lắp với hệ thống bơm phồng; bộ phận của nó: / - - - Túi khí an toàn lắp với hệ thống bơm phồng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:56:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87089510/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17558
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17558
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17558
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, PH, TH, CN)	0% (trừ ID, PH, TH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	1,8; M: 2,7	1,8% · M: 2.7%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	6,7	6,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	6,9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E16872
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16801
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16801
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16801
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16801
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16801
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16801
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E16857
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F16857
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G16857

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H16857
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I16857
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J16857
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E16858
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F16858
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G16858
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H16858
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I16858
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J16858
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F16863
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16818
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F16815
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G16815
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H16815
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I16815
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J16815
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K16815
VKFTA	2022	2022	2	VK!E16861
VKFTA	2023	2023	1	VK!F16861
VKFTA	2024	2024	0	VK!G16861
VKFTA	2025	2025	0	VK!H16861
VKFTA	2026	2026	0	VK!I16861
VKFTA	2027	2027	0	VK!J16861
VCFTA	2022	2022	10	VC!D16923
VCFTA	2023	2023	10	VC!E16923
VCFTA	2024	2024	10	VC!F16923

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	10	VC!G16923
VCFTA	2026	2026	10	VC!H16923
VCFTA	2027	2027	10	VC!I16923
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D16899
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E16899
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F16899
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G16899
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H16899
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I16899
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D16894
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E16894
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F16894
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G16894
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H16894
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I16894
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D16914
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E16914
EVFTA	2024	2024	3,7	EV-NK!F16914
EVFTA	2025	2025	2,5	EV-NK!G16914
EVFTA	2026	2026	1,2	EV-NK!H16914
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I16914
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D16913
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E16913
UKVFTA	2024	2024	3,7	UKV!F16913
UKVFTA	2025	2025	2,5	UKV!G16913
UKVFTA	2026	2026	1,2	UKV!H16913

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I16913
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	6,3	CPTPP!D16997
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	5,4	CPTPP!E16997
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	4,5	CPTPP!F16997
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	3,6	CPTPP!G16997
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	2,7	CPTPP!H16997
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	1,8	CPTPP!I16997
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0,9	CPTPP!J16997
RCEP A	2022	2022	9,3	RCEPT-A!D16884
RCEP A	2023	2023	8,7	RCEPT-A!E16884
RCEP A	2024	2024	8	RCEPT-A!F16884
RCEP A	2025	2025	7,3	RCEPT-A!G16884
RCEP A	2026	2026	6,7	RCEPT-A!H16884
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I16884
RCEP B	2022	2022	9,3	B!D16884
RCEP B	2023	2023	8,7	B!E16884
RCEP B	2024	2024	8	B!F16884
RCEP B	2025	2025	7,3	B!G16884
RCEP B	2026	2026	6,7	B!H16884
RCEP B	2027	2027	6	B!I16884
RCEP C	2022	2022	*	C!D16882
RCEP C	2023	2023	*	C!E16882
RCEP C	2024	2024	*	C!F16882
RCEP C	2025	2025	*	C!G16882
RCEP C	2026	2026	*	C!H16882
RCEP C	2027	2027	*	C!I16882

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	9,4	D!D16881
RCEP D	2023	2023	8,8	D!E16881
RCEP D	2024	2024	8,1	D!F16881
RCEP D	2025	2025	7,5	D!G16881
RCEP D	2026	2026	6,9	D!H16881
RCEP D	2027	2027	6,3	D!I16881
RCEP E	2022	2022	9,3	E!D16885
RCEP E	2023	2023	8,7	E!E16885
RCEP E	2024	2024	8	E!F16885
RCEP E	2025	2025	7,3	E!G16885
RCEP E	2026	2026	6,7	E!H16885
RCEP E	2027	2027	6	E!I16885
RCEP F	2022	2022	9,3	F!D16884
RCEP F	2023	2023	8,7	F!E16884
RCEP F	2024	2024	8	F!F16884
RCEP F	2025	2025	7,3	F!G16884
RCEP F	2026	2026	6,7	F!H16884
RCEP F	2027	2027	6	F!I16884
VIFTA	2024	2024	10	VI!F15835
VIFTA	2025	2025	10	VI!G15835
VIFTA	2026	2026	10	VI!H15835
VIFTA	2027	2027	10	VI!I15835

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-009	YELLOW	CPTPP: mức thuế riêng “M:”	Ô CPTPP “1,8; M: 2,7” có mức chung 1,8% và mức “M:” 2.7% (thường hiểu là biểu áp dụng cho Mê-hi-cô – cần xác minh).		115/2022/NĐ-CP	Xác định biểu thuế CPTPP áp dụng cho nước xuất xứ theo Nghị định 115/2022/NĐ-CP.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
FTA-010	YELLOW	Khác biệt giữa biểu tổng hợp và biểu FTA gốc	CPTPP: biểu tổng hợp BT2026 ghi “1,8; M: 2,7”, biểu FTA gốc kỳ (VI) ghi “1,8”.		115/2022/NĐ-CP	Đối chiếu Nghị định gốc và văn bản sửa đổi để xác định mức chính xác.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VCFTA 10%, VIFTA 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8708.95 có 2 dòng thuế; dòng 8708.95.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Túi khí an toàn lắp với hệ thống bơm phồng.	8708.95.90 Bộ phận	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8708.95.10 có mã Chương 98 tương ứng 9849.35.71 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - Túi khí an toàn lắp với hệ thống bơm phồng	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8708.95.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8708.95.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17558), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.